TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2024/HS - ST
Ngày 23- 5 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đức

2. Ông Trần Nam Bình

- Thư ký phiên Tòa: Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa: Bà Đặng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 76/2024/TLST - HS ngày 08 tháng 5 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn Q, sinh ngày 06 tháng 7 năm 1973 tại Thái Bình. Nơi cư trú: Số nhà H, đường T, tổ A, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); vợ: Bùi Mai P; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2023. Nhân thân: Năm 1992 và 1996 có hành vi trộm cắp tài sản công dân bị Công an thị xã T bắt, hiện nay không còn hồ sơ lưu trữ, nên không xác định được hình thức xử lý. Bản án số 59/1992/HSST ngày 03/11/1992 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Bình, tỉnh Thái Bình và bản án số 110/HSPT ngày 24/02/1993 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đều xử phạt Trần Văn Q 30

tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", chấp hành xong hình phạt tù tháng 01/1995, chấp hành xong án phí hình sự vào ngày 01/3/1994, đã bồi thường cho người bị hại ngày 17/10/2023. Quyết định số 21/QĐ-UB ngày 14/01/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh T áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục lý do trộm cắp nhiều lần, thời hạn 24 tháng. Chấp hành xong tháng 4/2002. Quyết định số 119/QĐ-UB ngày 16/01/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh T áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục lý do trộm cắp nhiều lần, thời hạn 24 tháng. Chấp hành xong tháng 01/2005. Bản án số 23/2006/HSST ngày 06/3/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt Trần Văn Q 36 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/11/2008, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 21/12/2011. Tiền án: Bản án số 73/2012/HSST ngày 24/4/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình và bản án số 48/HSPT ngày 19/6/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đều xử phạt Trần Văn Q 13 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/7/2021, chấp hành xong án phí hình sự tháng 12/2013 và hình phạt bổ sung tháng 2/2013. Tiền sự: Không. Bị cáo, tạm giữ từ ngày 03/02/2024 đến ngày 06/02/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt).

2. Nguyễn Xuân D, sinh ngày 11 tháng 3 năm 1990 tại Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân P1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị V1; vợ: Trần Thị T1; có 01 con, sinh năm 2013; nhân thân: Bản án số 03/2015/HSST ngày 15/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt Nguyễn Xuân D 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/10/2020, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và hình phạt bổ sung vào tháng 3/2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/02/2024 đến ngày 06/02/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. (có mặt).

3. Nguyễn Văn M, sinh ngày 01 tháng 02 năm 1991 tại Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P2 và bà Đỗ Thị T2; vợ: Nguyễn Thị Thanh H (đã ly hôn); có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/02/2024 đến ngày 05/02/2024 chuyển tạm giam. (có mặt).

** Người chứng kiến:*

1. Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1953. Nơi cư trú: Số nhà A, đường N, tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

2. Ông Nhâm Văn T3, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Tổ G, phường L thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 02/02/2024, Nguyễn Văn M đang ở nhà thì có bạn là Nguyễn Xuân D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S màu đen biển số 30N2-7065 đến nhà M rủ M đi mua ma túy để sử dụng cùng nhưng M không có tiền, nên D đưa cho M 2.400.000 đồng, sau đó D điều khiển xe mô tô trên chở M lên khu vực cầu K, đường L, tổ A, phường L, thành phố T thì M xuống xe đi bộ vào nhà Trần Văn Q còn D đứng chờ. Khi M đi vào nhà Q thì gặp Q tại đường đi, M hỏi mua của Q 2.100.000 đồng H1 và 300.000 đồng ma túy đá. Q đồng ý rồi nhận tiền của M và bảo M đứng chờ còn Q đi ra khu vực C phường Q, thành phố T gặp và mua của một người phụ nữ không biết tên, tuổi, địa chỉ 01 túi Heroin với giá 1.800.000 đồng và 01 gói ma túy đá với giá 200.000 đồng. Q cất ma túy vừa mua vào túi quần bên phải đang mặc rồi đi đến chỗ M đang đứng chờ đưa số ma túy trên cho M, M nhận ma túy rồi cất dấu vào túi áo khoác bên trái đang mặc rồi đi bộ ra chỗ D đang đứng chờ. Khi M đi đến nơi thì không thấy D và ngay lúc đó tổ công tác Công an phường L, thành phố T tuần tra phát hiện. Tại đây, trước sự chứng kiến của ông Hoàng Văn N và ông Nhâm Văn T3, M tự giác lấy từ túi áo khoác bên trái đang mặc ra giao nộp cho tổ công tác 01 túi ma túy, loại Heroin, có khối lượng 2,0722 gam và 01 gói ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,2471 gam và khai nhận là ma túy M vừa mua của Q bằng số tiền 2.400.000 đồng của D đưa với mục đích để D và M sử dụng dần, kiểm tra người M đã thu giữ tại túi quần bên trái của M 01 điện thoại REDMI màu đen và 01 ví màu nâu bên trong có 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn M, ngoài ra không thu giữ gì khác. Cùng ngày Công an phường L, thành phố T đã triệu tập Nguyễn Xuân D, Trần Văn Q lên làm việc: Nguyễn Xuân D đã khai nhận toàn bộ hành vi đưa số tiền 2.400.000 đồng (gồm 03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và 06 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng cho Nguyễn Văn M và điều khiển xe mô tô chở M đi mua ma túy để về sử dụng chung. Diện tự giác giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S màu đen biển số 30N2-7065 đã cũ là phương tiện Diện chở M đi mua ma túy, ngoài

ra không thu giữ gì khác. Trần Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn M và tự giác giao nộp số tiền hưởng lợi 400.000 đồng gồm 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có số seri OM 21622191, 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số seri lần lượt là OE 19810672 và FC 19694371 và 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo, ngoài ra không thu giữ gì khác. Ngày 03/02/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn Q1 tại số nhà H, đường T, tổ A, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình nhưng không thu giữ gì.

Tại phiên Tòa các bị cáo Q1, D, M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố đối với các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 82/CT- VKSTPTB ngày 06/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Trần Văn Q về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân D, Nguyễn Văn M về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự,

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật như Bản cáo trạng số 82/CT- VKSTPTB và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn Q. Xử phạt bị cáo Trần Văn Q từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 03/02/2024; phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

2. Áp dụng điểm i khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2; Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân D. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân D 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 03/02/2024; phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

3. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn M. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 02/02/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo M. Các bị cáo Q, D, M đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố, không trình bày lời bào chữa và không có ý kiến

tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên. Các bị cáo Q, D, M nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên,Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Các bị cáo, người chứng kiến không khiếu nại hay có ý kiến gì nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp.

[2]. Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên Tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; các biên bản kiểm tra và quản lý điện thoại nhãn hiệu Redmi, nhãn hiệu vivo, xe mô tô nhãn hiệu Honda wave S, màu đen, biển số 30N2 - 7065 do Công an phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình lập ngày 02/02/2024; báo cáo đề xuất của Công an phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình ngày 02/02/2024; kết luận giám định số 186/KL-KTHS ngày 05/02/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Mẫu vật M1 quản lý của Nguyễn Văn M gửi giám định là ma túy, loại Heroin, có khối lượng 2,0722 gam. Mẫu vật M2 quản lý của Nguyễn Văn M gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 0,2471. Lời khai của người chứng kiến ông Hoàng Văn N và ông Nhâm Văn T3. Từ những chứng cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Chiều ngày 02/02/2024, Nguyễn Xuân D có hành vi đưa 2.400.000 đồng cho Nguyễn Văn M và dùng xe mô tô nhãn hiệu Honda wave S màu đen biển số 30N2-7065 chở Nguyễn Văn M đến nhà Trần Văn Q mua 01 túi ma túy, loại Heroin, có khối lượng 2,0722 gam và 01 gói ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,2471 gam với giá 2.400.000 đồng mục đích để D, M cùng nhau sử dụng dần. Khi M đang đứng tại khu vực cầu K, đường L, tổ A, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình đợi Diện thì bị tổ công tác Công an phường L, thành phố T phát hiện, bắt quả tang.

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy

"1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm…5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:… ***c) Heroin, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam…i,*** *c****ó 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ b đến h khoản này****…5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".*

[3]. Đánh giá tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo Q, M và D là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của nhà nước. Bị cáo Nguyễn Xuân D đã có hành vi đưa 2.400.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Văn M và dùng xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S màu đen biển số 30N2-7065 chở Nguyễn Văn M đến nhà bị cáo Trần Văn Q mua 01 túi ma túy, loại Heroin, có khối lượng 2,0722 gam và 01 gói ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,2471 gam với giá 2.400.000 đồng mục đích để các bị cáo M, D cùng nhau sử dụng chung do đó vai trò của hai bị cáo M, D ngang nhau, nên hành vi của bị cáo M, D đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, hành vi của bị cáo Q đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của các bị cáo:

[4.1]. Về nhân thân: Bị cáo Q có nhân thân xấu đã từng bị kết án về tội "Cố ý gây thương tích"; tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo D đã từng bị kết án về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ: Cả ba bị cáo Q, M, D đều thành khẩn khai báo, nên cả ba bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s

khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối bị cáo D có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự, nên bị cáo D được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Q phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại các điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo M, D đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về hình phạt:

[5.1]. Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo và nhân thân cùng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần thiết phải xử phạt các bị cáo Q, M, D bằng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân tốt đồng thời có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

[5.2]. Về hình phạt bổ sung: Đối với bị cáo Q bán trái phép chất ma túy mục đích kiếm lời nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, phạt bổ sung bị cáo Trần Văn Q 10.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước. Đối bị cáo D đã từng bị xét xử về tội phạm ma túy và lần phạm tội này D đã đưa tiền cho bị cáo M đi mua ma túy, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, phạt bổ sung bị cáo D 5.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn M.

[6]. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, số ma túy thu giữ trong vụ án còn lại sau giám định là chất Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6.1]. Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có số seri OM 21622191 và 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số seri lần lượt là OE 19810672, FC 19694371 là khoản tiền do bị cáo Trần Văn Q phạm tội mà có có nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6.2]. Đối với 02 điện thoại màu đen đã cũ (nhãn hiệu Redmi quản lý của Nguyễn Văn M, nhãn hiệu Vivo quản lý Trần Văn Q), các bị cáo dùng để liên lạc mua bán ma túy, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6.3]. Đối với 01 ví giả da màu nâu; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn M đều quản lý của bị cáo M không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả cho bị cáo M các tài sản trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7]. Về nguồn gốc số ma túy Trần Văn Q khai mua tại khu V phường Q, thành phố T của một người phụ nữ không biết tên, tuổi, địa chỉ, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

[8]. Về các vấn đề khác của vụ án: Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S màu đen biển số 30N2-7065 quản lý của Nguyễn Xuân D, quá trình điều tra xác định số khung số máy của xe đã bị tẩy xóa, không xác định được số khung số máy ban đầu; biển số xe 30N2-7065 mang tên chủ sở hữu là anh Nguyễn Quyết T4, sinh năm 1982, trú tại thôn V, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội, hiện anh T4 vẫn đang sử dụng xe biển số xe 30N2-7065 trên chiếc xe mà anh T4 đã đăng ký. Nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tách ra tiếp tục xác minh thông tin chiếc xe và biển số trên khi nào có có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật, chấp nhận đề nghị của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T.

[9]. Về án phí: Đối với các bị Q, D, M phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Q, D, M có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

1.1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

1.2. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân D, Nguyễn Văn M phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn Q. Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 03/02/2024); phạt bổ sung bị cáo Trần Văn Q 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

2.2. Áp dụng điểm i khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân D. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân D 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 03/02/2024); phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Xuân D 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

2.3 Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn M. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 02/02/2024).

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của Nguyễn Văn M còn lại sau giám định được niêm phong trong 02 phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 186/KL-KTHS (MT) của Phòng K Công an tỉnh T.

3.2. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có số Seri OM 21622191; 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số Seri lần lượt là OE 19810672, FC 19694371của bị cáo Trần Văn Q.

3.3. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi của bị cáo Nguyễn Văn M, 01 điện thoại nhãn hiệu Vivo của bị cáo Trần Văn Q.

3.4. Trả lại 01 ví giả da màu nâu và 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn M cho bị cáo Nguyễn Văn M.

(Toàn bộ số vật chứng trên Cơ quan điều tra Công an thành phố T đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có đặc điểm mô tả như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/5/2024).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Q, D, M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Q, D, M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- CQCSĐT Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình/Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Thái Bình;
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh